

Phụ lục 101
BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ VĨNH TRẠCH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
*	Đất ở nông thôn nằm tại trung tâm hành chính Khu vực ấp Vĩnh Hiệp, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thắng, Vĩnh Thành:		
1	Nhựa 5,5m liên xã kênh Bốn Tổng (Bưu Điện - UBND xã)	600	
*	Đất ở nông thôn nằm tại trung tâm hành chính Khu vực ấp Vĩnh Tây, Vĩnh An, Vĩnh Trung, Trung Bình Tiến, Trung Bình Nhất, Trung Bình Nhì, Tây Bình:		
2	Đường tỉnh ĐT 943 (Vĩnh Trạch - Văn phòng ấp Trung Bình Tiến)	480	
*	Đất ở nông thôn nằm tại Trung tâm chợ Khu vực ấp Vĩnh Hiệp, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thắng, Vĩnh Thành:		
*	Chợ Cũ:		
3	Bê tông 3,5m liên xã (Nhà ông Phi - Nhà ông Xuyên)	2.640	
4	Giáp lô A (Nhựa (kênh Bốn Tổng) - Nhà ông Đàng)	840	
5	Giáp lô B (Bê tông (kênh Bốn Tổng) - Nhà ông Kiệt)	1.800	
6	Giáp lô C (Nhà ông Xuyên - Nhà ông Tùng)	960	
7	Đường Bê tông 3,5m tiếp giáp UBND xã Vĩnh Khánh cũ (Nhựa (kênh 4 tổng) - Kênh Hậu 150)	1.920	
*	Đất ở nông thôn nằm tại Trung tâm chợ Khu vực ấp Vĩnh Tây, Vĩnh An, Vĩnh Trung, Trung Bình Tiến, Trung Bình Nhất, Trung Bình Nhì, Tây Bình:		
*	Chợ Vĩnh Trung:		
8	Nhựa liên xã (Ranh nhà ông Tuấn - Cầu Đình)	1.020	
9	Hai bên nhà lồng chợ (Nhựa liên xã - Bê tông nội chợ)	960	
10	Các đường còn lại trong chợ	840	
11	Chợ Tây Bình (Ba Bần):		

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
	- Hai bên nhà lồng chợ	600	
	- Các đường còn lại trong chợ	360	
12	Vĩnh Trạch 1 (Chợ Tây Cò):		
	- Hai bên nhà lồng chợ	600	
	- Đường tỉnh ĐT 943 (Cầu kênh Bốn Tổng - Cây xăng Vân Sơn)	720	
	- Các đường còn lại trong chợ	360	
*	Khu vực mở rộng Khu vực ấp Vĩnh Hiệp, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thắng, Vĩnh Thành:		
13	Đường nhựa 3m kênh Đòn Dong (Nhà ông Răng - Kênh Hậu)	1.920	
14	Đường bê tông kênh Hậu (kênh Đòn Dong - Hết đất nhà bà Kiều)	1.440	
*	Đất ở nông thôn tiếp giáp với Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:		
15	Đường Tỉnh lộ ĐT.943 (Cầu kênh Ông Cò - Ranh xã Định Thành)	690	
*	Đất ở nông thôn tiếp giáp với Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:		
16	Đường tỉnh ĐT.943:		
	- Từ Cầu Mương Trâu - Mương Thầy Ban	575	
	- Từ Mương Thầy Ban - Vĩnh Trạch	345	
	- Từ Văn phòng ấp TBT - Cầu kênh 4 Tổng	345	
	- Từ Cây xăng Vân Sơn - Ranh Định Thành	345	
*	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp I Khu vực ấp Vĩnh Hiệp, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thắng, Vĩnh Thành:		
17	Đường nhựa 3,5m kênh Đòn Dong:		
	- Từ Ranh xã Vĩnh Chánh - kênh Bốn Tổng	345	
	- Từ Cống Chợ - kênh H	345	
18	Đường nhựa 5,5m kênh Đòn Dong:		
	- Từ Ranh xã Vĩnh Chánh - Trường Trung học cơ sở	230	
	- Từ Nhà văn hóa cũ - kênh H	230	

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
*	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp I Khu vực ấp Vĩnh Tây, Vĩnh An, Vĩnh Trung, Trung Bình Tiến, Trung Bình Nhất, Trung Bình Nhì, Tây Bình:		
19	Nhựa, bê tông liên xã (kênh Rạch Giá - Long Xuyên):		
	- Từ Rạch Mương Trâu - Nhà ông Tuấn (chợ ấp Vĩnh Trung)	345	
	- Từ Cầu Đình - Cầu kênh Bốn Tổng nhỏ	403	
	- Từ Mương Xẻo Chiết - Hết đường dẫn cầu Ba Bần	920	
20	Nhựa liên xã (kênh Rạch Giá - Long Xuyên) (Cầu Ba Bần - Cầu ông Đốc)	345	
*	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II Khu vực ấp Vĩnh Hiệp, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thắng, Vĩnh Thành:		
21	Đường nhựa 3,5m liên xã kênh Bốn Tổng (Đường tỉnh 943 - Bru Điện)	345	
22	Đường nhựa 3,5m kênh Bốn Tổng (Ranh Vĩnh Trạch - Ngang UBND xã (nhà ông Đức))	230	
23	Đường nhựa 3,5m liên xã kênh Bốn Tổng (KDC vượt lũ - kênh ranh Cần Thơ)	288	
24	Đường nhựa 3 m liên xã kênh Bốn Tổng (kênh Đòn Dong - Ranh Cần Thơ)	173	
25	Đường nhựa 3,5m liên xã kênh Mặc Cần Dện lớn (Ranh Vĩnh Chánh - Cầu Xẻo Lách)	230	
26	Bê tông 2m kênh H (kênh Đòn Dong - Kênh ranh Cần Thơ)	115	
27	Đường nhựa 3,5m kênh H (kênh Đòn Dong - Ranh Định Thành)	115	
28	Đường cặp kênh Trục (kênh Đòn Dong - Ranh Xã Định Thành)	115	
29	Đường đất kênh Cây Cồng (kênh Đòn Dong - ranh Phường Cần Thơ)	115	
30	Kênh Chủ Tuần (Kênh Trục - Kênh Bốn Tổng)	120	
31	Đường đất kênh Xe Cuốc (Kênh Trục - Kênh H)	120	
32	Đường đất kênh T7 (Cầu T7 - Ranh Cần Thơ)	120	
33	Đường đất kênh Nông Dân (Cầu 2A - kênh Đòn Dong)	120	

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
*	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II Khu vực áp Vĩnh Tây, Vĩnh An, Vĩnh Trung, Trung Bình Tiến, Trung Bình Nhất, Trung Bình Nhì, Tây Bình:		
34	Nhựa 3m liên xã, lộ Thanh Niên (Tỉnh lộ 943 - Kênh Mặc Cần Dện)	173	
35	Nhựa 3m liên xã kênh Bốn Tổng (Ranh Vĩnh Khánh - Mương Xẻo Chiết)	288	
36	Đường bê tông (kênh Bốn Tổng):		
	- Từ ranh Vĩnh Khánh - cầu Bốn Tổng nhỏ	173	
	- Từ Nhà ông Sum - Nhà bà Diệu	173	
37	Đường bê tông rạch Cái Vồn, Bà Cả (Kênh Rạch Giá - Kênh Bốn Tổng)	115	
38	Đường nhựa rạch Cái Vồn, Bà Cả (Kênh Rạch Giá - Kênh Bốn Tổng)	173	
39	Đường nhựa kênh Mặc Cần Dện (Cầu Xẻo Lách - Ranh Phú Hòa)	230	
40	Đường nhựa liên xã, lộ ông Cường (Tỉnh lộ - Kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	345	
41	Đường đất kênh Mười Cai (2 bờ) (Ranh Phú Hòa - Đường bê tông (kênh Bốn Tổng))	173	
42	Đường đất kênh Tràm Chích (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Rạch Cái Vồn, Bà cả)	150	
43	Đường đất cặp rạch Mương Trâu:		
	- Từ kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Tỉnh lộ 943	250	
	- Từ Tỉnh lộ 943 - Kênh Mười Cai	250	
44	Đường kênh Thầy Ban (Tỉnh lộ 943 - Kênh Rạch Giá - Long Xuyên):		
	- Đoạn đường bê tông	250	
	- Đoạn đường đất	250	
45	Đường nhựa lộ Mương Trâu (Tỉnh lộ 943 - Kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	500	

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
*	Đất ở nông thôn nằm tại khu dân cư vượt lũ:		
46	KDC Vượt lũ Bốn Tổng (Các đường trong KDC)	518	
*	KDC Vượt lũ Tây Bình		
47	Nhựa liên xã (Cầu Ba Bần - Bến đò ông Mọi)	920	
48	Bê tông 3m (Các dãy còn lại trong KDC)	690	
*	Đất ở nông thôn nằm tại khu dân cư vốn huyện:		
49	- Khu dân cư chợ Vĩnh Trạch mở rộng	690	
50	Các tuyến đường khác có nền đường $\geq 3\text{m}$ được trải bê tông hoặc nhựa	130	Bổ sung
51	Các tuyến đường khác có nền đường $< 3\text{m}$ được trải bê tông hoặc nhựa	110	Bổ sung
52	Các tuyến đường còn lại	88	Bổ sung

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

TT	Loại đất	Giá đất			Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	
1	Đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản				
*	Khu vực ấp Vĩnh Hiệp, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thắng, Vĩnh Thành:				
*	Tiếp giáp Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:				
1	Đường tỉnh 943 (Ranh Định Thành - Ranh Vĩnh Trạch)	44	35		
*	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):				
2	Kênh Đòn Dong (Ranh Vĩnh Chánh - Kênh H)	55	44		
*	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):				
3	Kênh Bốn Tổng (Tỉnh lộ 943 - Ranh Cần Thơ)	59	47		
4	Kênh H (Ranh Định Thành - Ranh Cần Thơ)	53	42		
5	Kênh Trục (Ranh Định Thành - Kênh Đòn Dong)	50	41		
6	Kênh Cây Còng (Kênh Đòn Dong - Ranh Cần Thơ)	59	47		
7	Kênh Mắc Cần Dện lớn (Ranh Vĩnh Chánh - Kênh Bốn Tổng)	50	41		
*	Khu vực còn lại:				
8	Tiếp giáp kênh cấp III	46			
9	Khu vực còn lại	33			
*	Khu vực ấp Vĩnh Tây, Vĩnh An, Vĩnh Trung, Trung Bình Tiến, Trung Bình Nhất, Trung Bình Nhì, Tây Bình:				
*	Tiếp giáp Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:				
10	Đường tỉnh 943 (Ranh Phú Hòa - Ranh xã Định Thành)	66	53		
*	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):				

TT	Loại đất	Giá đất			Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	
11	Nhựa, bê tông kênh Rạch Giá - Long Xuyên (Ranh Định Thành - Ranh Phú Hòa)	44	35		
*	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):				
12	Đường nhựa kênh Mặc Cần Dện (Ranh Phú Hòa - Rạch Xẻo Lách)	44	35		
13	Đường đất kênh Mười Cai (kênh Bốn Tổng – Kênh Mặc Cần Dện)	44	35		
14	Đường nhựa rạch Cái Vồn, Bà Cả (kênh Bốn Tổng – kênh RGLX)	44	35		
15	Đường nhựa - Lộ tẻ Vĩnh Trạch (Kênh RGLX – TL943)	66	53		
16	Lộ Thanh Niên (Đường Tỉnh 943 - kênh Mặc Cần Dện)	44	35		
17	Đường nhựa, bê tông kênh 4 Tổng (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Kênh Mặc Cần Dện)	50	40		
*	Khu vực còn lại:				
18	- Tiếp giáp kênh cấp III	39			
19	- Khu vực còn lại	33			
2	Đất trồng cây lâu năm				
*	Khu vực ấp Vĩnh Hiệp, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thắng, Vĩnh Thành:				
*	Tiếp giáp Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:				
20	Đường tỉnh 943 (Ranh Định Thành - Ranh Vĩnh Trạch)	55	44		
*	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):				
21	Kênh Đòn Dong (Ranh Vĩnh Chánh - kênh H)	77	62		
*	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):				
22	Kênh 4 Tổng (Đường Tỉnh 943 - Ranh Cần Thơ)	66	53		
23	Kênh H (Ranh Định Thành - Ranh Cần Thơ)	59	47		

TT	Loại đất	Giá đất			Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	
24	Kênh Trục (Ranh Định Thành - Kênh Đòn Dong)	44	35		
25	Kênh Cây Còng (Kênh Đòn Dong - Kênh Cần Thơ)	53	42		
26	Kênh Mặc Cần Dện lớn (Ranh Vĩnh Chánh - kênh Bốn Tổng)	44	35		
	Khu vực còn lại:				
27	Tiếp giáp kênh cấp III	53			
28	Khu vực còn lại	39			
*	Khu vực ấp Vĩnh Tây, Vĩnh An, Vĩnh Trung, Trung Bình Tiến, Trung Bình Nhất, Trung Bình Nhì, Tây Bình:				
*	Tiếp giáp Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:				
29	Đường Tỉnh 943 (Ranh Phú Hòa - Ranh xã Định Thành)	77	62		
*	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):				
30	Nhựa, bê tông kênh Rạch Giá - Long Xuyên (Rạch Mương Trâu - Cầu ông Đốc)	77	62		
*	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):				
31	Đường nhựa kênh Mặc Cần Dện (Kênh Mười Cai - Cầu Xẻo Lách)	55	44		
32	Đường đất kênh Mười Cai (Kênh Bốn Tổng - Cầu ranh Phú Hòa)	50	40		
33	Đường nhựa, bê tông rạch Cái Vồn, Bà Cả (Kênh RGLX - Kênh Bốn Tổng)	50	40		
34	Lộ Ông Cường (Kênh RGLX - TL943)	66	53		
35	Lộ Thanh Niên (TL 943 - Kênh Mặc Cần Dện)	55	44		
36	Đường nhựa, bê tông kênh Bốn Tổng (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Kênh Mặc Cần Dện)	61	48		
*	Khu vực còn lại:				
37	Tiếp giáp kênh cấp III	44			
38	Khu vực còn lại	39			